

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho
năm tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 43

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà ("Công ty") trình báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty CP Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 29 tháng 05 năm 2020, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 29 tháng 01 năm 2021.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc	(i) Chủ tịch Hội đồng Quản trị (kể từ ngày 28/5/2020)
Ông Nguyễn Sĩ Hiển	(i) Chủ tịch Hội đồng Quản trị (đến ngày 27/5/2020)
Ông Nguyễn Ngọc Quyền	Thành viên
Ông Đỗ Hoàng Hải	Thành viên (Miễn nhiệm kể từ ngày 22/6/2020)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm kể từ ngày 22/6/2020)
Ông Trịnh Hữu Thảo	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 22/6/2020)
Ông Vũ Đức Quân	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 22/6/2020)

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Hương	Trưởng ban kiểm soát
Bà Trần Thị Thúy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thương	Thành viên (Miễn nhiệm kể từ ngày 22/6/2020)
Bà Nguyễn Thị Hồng Diệu	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 22/6/2020)

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được miễn nhiệm và bầu bổ sung cho nhiệm kỳ 2019-2024 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

- (i) Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty thay ông Nguyễn Sĩ Hiển kể từ ngày 28/5/2020 theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty số 14/SIMCO-HĐQT ngày 28/5/2020.

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Sĩ Hiển	(ii) Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/5/2020)
Ông Nguyễn Ngọc Quyền	(iii) Tổng Giám đốc (Đến ngày 27/5/2020)
Ông Nguyễn Ngọc Quyền	(iii) Phó Tổng Giám đốc (kể từ ngày 03/6/2020)
Bà Nguyễn Thị Minh Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Thạch	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Hữu Thảo	(iv) Giám đốc điều hành (Bổ nhiệm từ ngày 27/01/2021)

- (ii) Ông Nguyễn Sĩ Hiển được bầu giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty và là người đại diện theo pháp luật của Công ty thay ông Nguyễn Ngọc Quyền kể từ ngày 28/5/2020 theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty số 14/SIMCO-HĐQT ngày 28/5/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

(iii) Ông Nguyễn Ngọc Quyền miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 28/5/2020 theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty số 14/SIMCO-HĐQT ngày 28/5/2020 và được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 03/6/2020 theo Quyết định số 15/SIMCO-HĐQT ngày 03/6/2020 của Hội đồng quản trị Công ty.

(iv) Ông Trịnh Hữu Thảo được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành theo Quyết định số 01/SIMCO-HĐQT ngày 07/01/2021 của Hội đồng quản trị Công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty bao gồm:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc - Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Sĩ Hiền - Tổng Giám đốc
- Ông Trịnh Hữu Thảo - Giám đốc điều hành

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và tình hình tài chính vào ngày 31/12/2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 22/02/2021, các bên bao gồm: Công ty Cổ phần Simco Sông Đà, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Trang, Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Hoàng Liên Sơn và đại diện Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - Simco Sông Đà (Mysico) đã tổ chức cuộc họp trực tuyến để rà soát đánh giá Dự án Khai thác mỏ đá Marble tại Myanmar. Các bên đã ký Biên bản làm việc thống nhất các nội dung sau:

- Tiếp tục triển khai thực hiện các công việc theo Hợp đồng ủy quyền ngày 25/4/2017 ký giữa Công ty Cổ phần Simco Sông Đà và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Trang. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại hợp đồng.
- Thực hiện các công việc để điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư số 335/BKH-GCNĐTRNN cấp ngày 30/3/2010 theo các quy định của pháp luật và tình hình thực tế của dự án.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Tập đoàn.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. *TĐ*



Ông NGUYỄN SĨ HIẾN

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021



Số: 020/2021/BCKTHN-HT.00019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (gọi tắt là "Công ty") và Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Dự án Khai thác và Chế biến đá Mable tại mỏ Nay Pu Taung, thị trấn Taunggyok, bang Rakhine, Myanmar đã hoàn thành đầu tư giai đoạn 1, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản đối với hai công trình tự làm là Đường vào mỏ và Nhà cửa vật kiến trúc có giá trị lần lượt là 281.417,67 Đô la Mỹ (tương đương 6.393.806.963 đồng) và 1.037.826,36 Đô la Mỹ (tương đương 23.579.639.827 đồng) được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định vào năm 2016, các chi phí khác của dự án đã được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016. Chúng tôi không được tiếp cận với các hồ sơ tài liệu liên quan đến các công trình này. Vì vậy, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Giá trị tổng tài sản và nợ phải trả của Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - Simco Sông Đà (Công ty con của Tập đoàn) được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2020 lần lượt là 68.046.055.149 đồng và 47.186.664.955 đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về giá trị tổng tài sản và nợ phải trả tại ngày 31/12/2019 vì chúng tôi không được tiếp cận với thông tin tài chính và báo cáo tài chính, Ban Giám đốc và Kiểm toán viên của Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - Simco Sông Đà. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không và các ảnh hưởng nếu có đến các khoản mục khác trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 của Tập đoàn.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



TRẦN ĐÌNH DŨNG

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1788-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
CHI NHÁNH HÀ THÀNH**

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

PHẠM QUANG KHẢI

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4018-2019-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		90.983.275.321	79.789.961.364
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	319.304.758	784.875.250
1. Tiền	111		319.304.758	784.875.250
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	5.600.000.000	5.600.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.600.000.000	5.600.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.621.063.573	66.880.666.334
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	34.190.339.624	20.069.345.795
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.982.421.486	1.982.421.486
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	5.328.330.196	5.328.330.196
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	58.118.172.400	56.669.793.114
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(20.998.200.133)	(17.169.224.257)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	6.275.876.675	6.284.832.457
1. Hàng tồn kho	141		6.361.603.025	6.370.558.807
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(85.726.350)	(85.726.350)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		167.030.315	239.587.323
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.13	54.672.556	71.778.018
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		101.020.827	156.472.373
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	11.336.932	11.336.932
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		267.201.853.739	276.634.060.269
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.264.123.000	1.764.123.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	1.264.123.000	1.764.123.000
II. Tài sản cố định	220		83.960.111.177	89.758.973.877
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	83.960.111.177	89.758.973.877
- Nguyên giá	222		126.079.608.584	131.510.202.930
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.119.497.407)	(41.751.229.053)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	-	-
- Nguyên giá	228		244.160.000	244.160.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(244.160.000)	(244.160.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	7.709.105.596	3.979.118.256
- Nguyên giá	231		10.719.759.176	5.321.664.830
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.010.653.580)	(1.342.546.574)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.9	75.902.112.441	75.902.112.441
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		75.902.112.441	75.902.112.441
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	97.288.540.942	103.874.178.240
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		86.803.163.773	87.115.158.482
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		24.300.000.000	34.400.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(13.814.622.831)	(17.640.980.242)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.077.860.583	1.355.554.455
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	1.077.860.583	1.355.554.455
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		358.185.129.060	356.424.021.633

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		162.807.996.083	165.663.594.292
I. Nợ ngắn hạn	310		62.433.528.315	64.368.711.786
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	8.697.765.634	8.929.839.583
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	1.248.430.166	1.248.430.166
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	57.933.098	8.719.500
4. Phải trả người lao động	314		1.360.395.346	1.927.122.826
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	4.635.802.163	5.717.138.818
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.19	991.524.826	625.509.250
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	40.141.228.010	39.814.562.771
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	5.299.842.500	6.096.782.300
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		606.572	606.572
II. Nợ dài hạn	330		100.374.467.768	101.294.882.506
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.19	11.846.830.059	11.198.172.839
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	65.127.001.230	65.152.053.297
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20	20.579.401.136	20.579.401.136
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	6.10	2.821.235.343	4.365.255.234
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		195.377.132.977	190.760.427.341
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.21	195.377.132.977	190.760.427.341
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		262.061.580.000	262.061.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		262.061.580.000	262.061.580.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(1.682.000)	(1.682.000)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		6.402.816.874	6.402.816.874
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.231.903.807	1.231.903.807
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(74.317.485.704)	(78.934.191.340)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(78.934.191.340)	(16.992.466.431)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.616.705.636	(61.941.724.909)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		358.185.129.060	356.424.021.633

NGƯỜI LẬP BIỂU



MAI THÙY LINH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ HIẾU

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC




NGUYỄN SĨ HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	27.636.301.303	38.881.629.913
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	94.348.000	365.478.379
3 Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV (10=01-02)	10		27.541.953.303	38.516.151.534
4 Giá vốn hàng bán	11	6.3	23.245.993.433	33.968.228.024
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4.295.959.870	4.547.923.510
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	4.973.589.991	528.680.467
7 Chi phí tài chính	22	6.5	(3.678.222.157)	61.095.922.382
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		124.062.406	151.472.312
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(311.994.709)	10.342.382
9 Chi phí bán hàng	25		-	-
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	9.742.216.904	12.684.878.163
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22+24-25-26)	30		2.893.560.405	(68.693.854.186)
12 Thu nhập khác	31	6.7	188.402.101	86.188.450
13 Chi phí khác	32	6.8	9.276.761	2.737.802.711
14 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		179.125.340	(2.651.614.261)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.072.685.745	(71.345.468.447)
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	-
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	(1.544.019.891)	(9.403.743.538)
18 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		4.616.705.636	(61.941.724.909)
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		4.616.705.636	(61.941.724.909)
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	176	(2.364)
22 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	176	(2.364)

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





MAI THÙY LINH

PHẠM THỊ HIẾU

NGUYỄN SĨ HIỂN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.072.685.745	(71.345.468.447)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.622.780.994	2.104.590.290
- Các khoản dự phòng	03		2.618.465	19.543.069.108
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		24.072.848	(39.349.046)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.973.589.991)	44.320.935.881
- Chi phí lãi vay	06		124.062.406	151.472.312
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ HĐKS trước thay đổi vốn lưu động	08		(127.369.533)	(5.264.749.902)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(329.921.569)	(71.323.789.124)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		8.955.782	(46.256.453)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		449.880.714	83.497.261.492
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		294.799.334	(284.186.876)
- (Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(77.442.439)	(165.182.855)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(7.266.008)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		218.902.289	6.405.830.274
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(74.880.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	65.355.931.272
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		136.539.867	489.331.421
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		136.539.867	(9.034.737.307)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	4.937.623.800	4.836.569.200
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(5.734.563.600)	(4.835.647.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(796.939.800)	922.100
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(441.497.644)	(2.627.984.933)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		784.875.250	3.373.511.137
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(24.072.848)	39.349.046
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	319.304.758	784.875.250

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



MAI THÙY LINH



PHẠM THỊ HIẾU



NGUYỄN SĨ HIỂN

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 7 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 29 tháng 5 năm 2020.

Vốn điều lệ của Công ty là: **262.061.580.000 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi hai tỷ, không trăm sáu mươi một triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng số cổ phần là 26.206.158 cổ phần và mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là SDA.

Công ty có đầu tư vào công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (Cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn")

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là cung cấp dịch vụ và khai thác khoáng sản.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn trong năm, bao gồm:

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có 01 công ty con (tại ngày 01/01/2020: 01 công ty con)

- Số lượng các Công ty được hợp nhất: 01 công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà	Quận Kamayut, khu Yangon, Myanmar	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ngoài ra, Tập đoàn còn có 02 chi nhánh sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Ban Quản lý dự án Hà Tĩnh	Số nhà 16, đường Nguyễn Hằng Chi, P. Trần Phú, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
Trường Cao đẳng Nghề Kỹ thuật - Công nghệ Kinh tế SIMCO Sông Đà	Xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội

Danh sách các Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	35,83%	35,83%	35,83%
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thủy Điển	Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội	28,52%	28,52%	28,52%
Công ty Cổ phần Khoáng sản SIMCO FANSIPAN	Khu công nghiệp phía nam, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái	45,68%	45,68%	45,68%

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2020 là 112 người (tại ngày 01/01/2020 là 109 người).

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 31/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tập đoàn với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất

đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc.

Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

d. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

e. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.7 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một kỳ tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong kỳ tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.8 Tài sản cố định

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 35 năm
▪ Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
▪ Thiết bị quản lý	03 năm
▪ Tài sản cố định khác	08 năm

4.9 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận theo giá mua mà phần mềm máy tính này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan, được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

4.10 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến của Ban Tổng Giám đốc.

Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà các chi phí này phát sinh.

Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản nắm giữ để cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	35 năm
--------------------------	--------

4.11 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

4.12 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận của hai hay nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất

Tập đoàn tham gia BCC theo thỏa thuận chia lợi nhuận phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của BCC.

Nguyên tắc phân chia doanh thu, chi phí, sản phẩm của BCC

- Sau khi thực hiện các nghĩa vụ thuế và tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty được thành lập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh sẽ dùng một tỷ lệ xác định trong lợi nhuận ròng để trích lập các quỹ theo quyết định của các bên;
- Tương ứng với tỷ lệ vốn góp của các bên, lợi nhuận còn lại sẽ được phân chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn, đồng thời các bên chịu mọi rủi ro của Công ty trong quá trình kinh doanh theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên;
- Việc lập các quỹ, phân chia lợi nhuận chỉ được thực hiện khi Công ty được thành lập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh có lãi và việc xác định kết quả kinh doanh được tính theo năm tài chính của Công ty đó.

4.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng

4.14 Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất

4.15 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

4.16 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

4.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tập đoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.18 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Tập đoàn sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông quyết định và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.19 Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ là lãi tiền gửi và cổ tức được chia từ hoạt động đầu tư.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

4.20 Giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của dịch vụ cung cấp trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.21 Chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.22 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất

4.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Thuế suất dùng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

4.24 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4.25 Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất***4.26 Các bên có liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Mối quan hệ
Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết
Công ty CP Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	Quản lý chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ	89.411.555	302.060.832
Tiền gửi ngân hàng	229.893.203	482.814.418
Tổng cộng	319.304.758	784.875.250

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	5.600.000.000	5.600.000.000	5.600.000.000	5.600.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.600.000.000	5.600.000.000	5.600.000.000	5.600.000.000
Tổng cộng	5.600.000.000	5.600.000.000	5.600.000.000	5.600.000.000

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại 31/12/2020 là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất***b) Đầu tư vào công ty liên kết**

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trình bày như sau:

	31/12/2020					01/01/2020				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị đầu tư	Phân lũy kế lợi nhuận (lỗ)	Giá trị còn lại	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị đầu tư	Phân lũy kế lợi nhuận (lỗ)	Giá trị còn lại
			VND	VND	VND			VND	VND	VND
Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	35,83%	35,83%	2.900.000.000	(1.976.836.227)	923.163.773	35,83%	35,83%	2.900.000.000	(1.664.841.518)	1.235.158.482
Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO FANSIPAN	45,68%	45,68%	85.880.000.000	-	85.880.000.000	46,80%	46,80%	85.880.000.000	-	85.880.000.000
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thủy Điện	28,52%	28,52%	15.970.000.000	(15.970.000.000)	-	42,80%	42,80%	23.970.000.000	(23.970.000.000)	-
Cộng			104.750.000.000	(17.855.322.479)	86.803.163.773			112.750.000.000	(25.634.841.518)	87.115.158.482

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất***c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2020					01/01/2020				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác			24.300.000.000	(13.814.622.831)				34.400.000.000	(17.640.980.242)	
Công ty CP Cao su Phú Riềng - Kratie	-	-	3.300.000.000	(3.300.000.000)	(*)	-	-	3.300.000.000	(3.300.000.000)	(*)
Công ty CP Đầu Tư Vĩnh Sơn	1,10%	1,10%	-	-	(*)	1,10%	1,10%	2.100.000.000	-	(*)
Công ty CP Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà	0,02%	0,02%	1.000.000.000	(1.000.000.000)	(*)	0,02%	0,02%	1.000.000.000	(1.000.000.000)	(*)
Công ty CP ĐT Phát triển SCO (Công ty Cổ phần Hạ tầng Simco Sông Đà)	13,61%	13,61%	20.000.000.000	(9.514.622.831)	(*)	19,09%	19,09%	28.000.000.000	(13.340.980.242)	(*)
Tổng cộng			24.300.000.000	(13.814.622.831)				34.400.000.000	(17.640.980.242)	

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Năm 2020
	VND
Số dư đầu năm	(17.640.980.242)
Trích lập bổ sung dự phòng trong năm	-
Hoàn nhập dự phòng	3.826.357.411
Sử dụng dự phòng trong năm	-
Số dư cuối năm	(13.814.622.831)

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất***5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	670.773.548	519.940.048
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	1.976.354.222	1.976.354.222
Phải thu của các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty CP May Xuất khẩu Sông Đà	310.000.000	310.000.000
Ông Lê Tuấn Việt (i)	16.023.000.000	16.023.000.000
Ông Nguyễn Việt Hà (ii)	8.000.000.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư HAFA (iii)	4.284.000.000	-
Ông Vũ Anh Dũng (iv)	2.400.000.000	-
Đối tượng khác	526.211.854	1.240.051.525
Tổng cộng	34.190.339.624	20.069.345.795

(i) Khoản phải thu của Ông Lê Tuấn Việt là khoản phải thu về giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Hawinco Đầu tư xây dựng hạ tầng trong năm 2017. Đến ngày 31/12/2020, Tập đoàn đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu trên với số tiền 11.216.100.000 đồng.

(ii) Khoản phải thu liên quan đến chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Đầu tư Phát triển SCO

(iii) Khoản phải thu liên quan đến chuyển nhượng cổ phần của Công ty Công ty CP Đầu Tư Vĩnh Sơn

(iv) Khoản phải thu liên quan đến chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trả trước cho các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty CP XD nhà ở Hải Phòng	1.149.566.562	1.149.566.562
Công ty CP Sông Đà 27	180.984.054	180.984.054
Công ty CP Thiết bị Công trình Hoàng Anh	560.000.000	560.000.000
Trả trước cho người bán của Dự án khai thác mỏ ở Myanmar	87.270.870	87.270.870
Đối tượng khác	4.600.000	4.600.000
Tổng cộng	1.982.421.486	1.982.421.486

5.5 Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	5.006.330.196	(5.006.330.196)	5.006.330.196	(5.006.330.196)
Công ty CP Hạ tầng Simco Sông Đà	322.000.000	(225.400.000)	322.000.000	-
Tổng cộng	5.328.330.196	(5.231.730.196)	5.328.330.196	(5.006.330.196)

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Tạm ứng	4.079.171.500	-	3.827.265.850	-
Chi hộ tiền vé máy bay	145.585.537	-	527.998.736	-
Lỗ hợp tác kinh doanh của các bên góp vốn liên doanh	50.089.047.342	-	49.204.761.433	-
+ Công ty CP Đầu tư HaFa	968.021.479	-	619.534.421	-
+ Công ty CP Phát triển nhân lực Simco Sông Đà	1.422.935.905	-	887.137.054	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Hoàng Liên Sơn	18.354.426.032	-	18.354.426.032	-
+ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Trang	23.593.663.926	-	23.593.663.926	-
+ Cán bộ công nhân viên	5.750.000.000	-	5.750.000.000	-
Phải thu khác	3.804.368.021	(960.746.452)	3.113.040.825	(960.746.452)
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bắc Hà	550.000.000	(550.000.000)	550.000.000	(550.000.000)
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona	500.000.000	-	500.000.000	-
+ Công ty CP Khoáng sản SIMCO FANSIPAN	15.000.000	-	15.000.000	-
+ Đối tượng khác	2.739.368.021	(410.746.452)	2.044.767.095	(410.746.452)
Cộng	58.118.172.400	(960.746.452)	56.669.793.114	(960.746.452)
Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.264.123.000	-	1.764.123.000	-
Cộng	1.264.123.000	-	1.764.123.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất***5.7 Nợ xấu**

	31/12/2020				01/01/2020			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	> 3 năm	6.982.684.418	-	(6.982.684.418)	> 3 năm	6.982.684.418	-	(6.982.684.418)
- Phải thu cho vay	> 3 năm	5.006.330.196	-	(5.006.330.196)	> 3 năm	5.006.330.196	-	(5.006.330.196)
- Phải thu khách hàng	> 3 năm	1.976.354.222	-	(1.976.354.222)	> 3 năm	1.976.354.222	-	(1.976.354.222)
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bắc Hà	> 3 năm	550.000.000	-	(550.000.000)	> 3 năm	550.000.000	-	(550.000.000)
Công ty CP Hoàng Anh	> 3 năm	560.000.000	-	(560.000.000)	> 3 năm	560.000.000	-	(560.000.000)
Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Dưới 2 năm	670.773.548	264.065.560	(406.707.988)		519.940.048	285.295.226	(234.644.822)
Ông Lê Tuấn Việt	Từ 1 năm đến 2 năm	16.023.000.000	4.806.900.000	(11.216.100.000)	Từ 1 năm đến 2 năm	16.023.000.000	8.011.500.000	(8.011.500.000)
Ông Hoàng Trung Thành	> 3 năm	195.094.350	-	(195.094.350)		-	-	-
Công ty CP Thảo Nguyên Xanh	> 3 năm	31.818.360	-	(31.818.360)		-	-	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển SCO	Từ 2 năm đến 3 năm	322.000.000	96.600.000	(225.400.000)		-	-	-
Các khoản phải thu khác	> 3 năm	830.395.017	-	(830.395.017)	> 3 năm	830.395.017	-	(830.395.017)
Tổng cộng		26.165.765.693	5.167.565.560	(20.998.200.133)		25.466.019.483	8.296.795.226	(17.169.224.257)

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất***5.8 Hàng tồn kho**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	70.231.712	-	71.074.151	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	8.113.343	-
Chi phí SXKD dở dang	133.622.714	(85.726.350)	133.622.714	(85.726.350)
Thành phẩm	6.157.748.599	-	6.157.748.599	-
Cộng	6.361.603.025	(85.726.350)	6.370.558.807	(85.726.350)

5.9 Tài sản dở dang dài hạn**a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Dự án tòa nhà Simco Tower	75.902.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441
Cộng	75.902.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441

Dự án tòa nhà Simco Tower được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt chủ trương triển khai tại khu nhà hỗn hợp HH - Dự án Khu đô thị mới Cầu Bươu, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội có tổng mức đầu tư là 351.780.000.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2020 giá trị dở dang là chi phí mua đất và các chi phí liên quan đến việc mua đất.

Ngày 25/6/2020, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Simco Sông Đà đã ra Nghị quyết số 23/SIMCO-HĐQT về việc phê duyệt chủ trương phương án thực hiện Dự án đầu tư ô đất ký hiệu HH tại Dự án Khu đô thị mới Cầu Bươu, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Hiện tại, Ban Tổng Giám đốc công ty đang xây dựng phương án thực hiện chi tiết để trình Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất***5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2020	84.345.679.506	44.545.583.466	1.665.074.567	648.039.391	305.826.000	131.510.202.930
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(32.500.000)	-	(32.500.000)
Giảm khác	(5.398.094.346)	-	-	-	-	(5.398.094.346)
Số dư 31/12/2020	78.947.585.160	44.545.583.466	1.665.074.567	615.539.391	305.826.000	126.079.608.584
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 01/01/2020	25.891.757.257	14.385.595.164	721.576.902	446.473.730	305.826.000	41.751.229.053
Khấu hao trong kỳ	1.740.607.179	-	176.220.612	-	-	1.916.827.791
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(32.500.000)	-	(32.500.000)
Giảm khác	(1.516.059.437)	-	-	-	-	(1.516.059.437)
Số dư 31/12/2020	26.116.304.999	14.385.595.164	897.797.514	413.973.730	305.826.000	42.119.497.407
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2020	58.453.922.249	30.159.988.302	943.497.665	201.565.661	-	89.758.973.877
Tại ngày 31/12/2020	52.831.280.161	30.159.988.302	767.277.053	201.565.661	-	83.960.111.177

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 20.896.643.980 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.956.950.278 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất***5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	244.160.000	244.160.000
Tăng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	244.160.000	244.160.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	244.160.000	244.160.000
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư cuối năm	244.160.000	244.160.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2020	-	-
Tại ngày 31/12/2020	-	-

5.12 Bất động sản đầu tư**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	01/01/2020 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	31/12/2020 VND
Nguyên giá	5.321.664.830	5.398.094.346	-	10.719.759.176
Nhà	5.321.664.830	5.398.094.346	-	10.719.759.176
Giá trị HMLK	1.342.546.574	1.668.107.006	-	3.010.653.580
Nhà	1.342.546.574	1.668.107.006	-	3.010.653.580
Giá trị còn lại	3.979.118.256	3.729.987.340	-	7.709.105.596
Nhà	3.979.118.256	3.729.987.340	-	7.709.105.596

Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 7.709.105.596 đồng.

5.13 Chi phí trả trước

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ	8.850.689	46.947.815
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	45.821.867	24.830.203
Tổng cộng	54.672.556	71.778.018
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí sửa chữa cải tạo	127.273.327	217.113.331
Chi phí công cụ, dụng cụ	267.820.874	383.912.434
Thuế GTGT không được khấu trừ	414.603.082	430.861.949
Chi phí trả trước dài hạn khác	268.163.300	323.666.741
Tổng cộng	1.077.860.583	1.355.554.455

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất***5.14 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	8.697.765.634	8.697.765.634	8.929.839.583	8.929.839.583
Công ty CP Xây dựng Nhà ở Hải Phòng	1.281.972.819	1.281.972.819	1.281.972.819	1.281.972.819
Công ty CP Xây lắp và Thương mại Hợp lực	649.014.603	649.014.603	649.014.603	649.014.603
Công ty TNHH Hải Ngọc	1.112.167.150	1.112.167.150	1.112.167.150	1.112.167.150
Đối tượng khác	5.654.611.062	5.654.611.062	5.886.685.011	5.886.685.011
Cộng	8.697.765.634	8.697.765.634	8.929.839.583	8.929.839.583

5.15 Người mua trả tiền trước

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Các tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ứng trước tiền thi công xây lắp của UBND thành phố Hà Tĩnh	110.382.166	110.382.166
Người mua trả tiền trước của Dự án khai thác mỏ ở Myanmar	1.137.598.000	1.137.598.000
Đối tượng khác	450.000	450.000
Cộng	1.248.430.166	1.248.430.166

5.16 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2020		Số phát sinh trong kỳ		31/12/2020	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
+ Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	11.336.932	-	-	-	11.336.932
+ Thuế Thu nhập cá nhân	8.719.500	-	80.747.713	73.373.515	16.093.698	-
+ Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	66.098.045	66.098.045	-	-
+ Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	45.839.400	4.000.000	41.839.400	-
Cộng	8.719.500	11.336.932	192.685.158	143.471.560	57.933.098	11.336.932

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất***5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	31.119.233	34.990.690
Tiền ăn ca	71.580.000	14.525.000
Thù lao Hội đồng quản trị	34.560.000	-
Chi phí xuất khẩu lao động	1.131.838.820	2.223.547.979
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	41.182.352	118.553.391
Chi phí lãi vay của DA khai thác mỏ ở Myanmar	3.325.521.758	3.325.521.758
Tổng cộng	4.635.802.163	5.717.138.818

5.18 Phải trả khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	323.893.834	192.939.162
Bảo hiểm xã hội	141.361.140	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	10.455.000
Cổ tức năm 2011 và năm 2013	17.034.235.140	17.034.235.140
Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.641.737.896	22.580.207.199
+ Nhận đặt cọc hoàn thiện DA nhà Vạn Phúc	995.000.000	715.000.000
+ Phải trả hoạt động xuất khẩu lao động	111.409.093	604.700.294
+ Công ty CP Khoáng sản SIMCO – FANSIPAN	-	722.635.000
+ Ông Nguyễn Công Kiên	9.691.204.799	9.691.204.799
+ Viettralimex Company	2.044.968.940	2.044.968.940
+ Đối tượng khác	9.799.155.064	8.798.424.436
Cộng	40.141.228.010	39.814.562.771
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	819.719.297	844.771.364
Phải trả về vốn hợp tác kinh doanh	64.307.281.933	64.307.281.933
+ Công ty CP TM XNK Hoàng Liên Sơn (1)	21.180.651.528	21.180.651.528
+ Công ty Cổ phần Xuất nhập Khẩu Việt Trang (1)	27.226.630.405	27.226.630.405
+ Công ty CP Đầu tư HaFa (2)	4.000.000.000	4.000.000.000
+ Công ty CP Phát triển nhân lực Simco Sông Đà (2)	6.150.000.000	6.150.000.000
+ Vốn góp hợp tác của cán bộ CNV (3)	5.750.000.000	5.750.000.000
Cộng	65.127.001.230	65.152.053.297
Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Cổ tức năm 2011 và năm 2013 (4)	17.034.235.140	17.034.235.140
Cộng	17.034.235.140	17.034.235.140

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất

- (1) Phải trả về nhận vốn góp hợp tác kinh doanh vào Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà (công ty con):
- Các bên tham gia hợp tác đầu tư bao gồm: Công ty Cổ phần Simco Sông Đà, Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Hoàng Liên Sơn và Công ty Cổ phần Xuất nhập Khẩu Việt Trang.
 - Các bên tham gia hợp tác kinh doanh đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư và cùng nhau góp vốn thực hiện dự án đầu tư khai thác và chế biến đá Marble - mỏ Nayputaung - Bang Rakhine - Myanmar ("Dự án"). Theo đó, các bên sẽ cùng nhau điều hành, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro, nếu có của hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà (Công ty Cổ phần hữu hạn được thành lập để thực hiện Dự án khai thác đá Marble tại Myanmar).
 - Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà không phát sinh hoạt động.
- (2) Phải trả về nhận vốn góp hợp tác kinh doanh vào Trường Cao đẳng Nghề Simco Sông Đà (đơn vị trực thuộc của Tập đoàn):
- Các bên tham gia hợp tác liên danh bao gồm: Công ty Cổ phần Simco Sông Đà, Công ty Cổ phần Đầu tư HaFa và Công ty Cổ phần Phát triển Nhân lực Simco Sông Đà.
 - Các bên tham gia đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1403/HĐHTĐ ngày 14/03/2017 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 28/11/2018 cùng thực hiện hoạt động đầu tư góp vốn vào Trường Cao đẳng Nghề Simco Sông Đà (đơn vị trực thuộc của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà). Theo đó, các bên sẽ cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro, nếu có của hoạt động kinh doanh của Trường Cao đẳng Nghề Simco Sông Đà.
 - Kết quả từ hợp đồng hợp tác đầu tư được theo dõi bởi Công ty Cổ phần Simco Sông Đà và phân bổ kết quả hoạt động hợp tác kinh doanh cho các bên tham gia hợp tác như sau:

Bên góp vốn	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Vốn góp hợp tác kinh doanh	10.150.000.000	10.150.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư HaFa	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển nhân lực Simco Sông Đà	6.150.000.000	6.150.000.000
Lợi nhuận sau thuế TNDN Lũy kế	(2.989.384.172)	(1.506.671.475)
Công ty Cổ phần đầu tư HaFa	(1.203.854.696)	(619.534.421)
Công ty Cổ phần Phát triển nhân lực Simco Sông Đà	(1.785.529.476)	(887.137.054)

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh phân bổ cho bên góp vốn trong kỳ	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	382.279.713	1.210.978.374
Giá vốn hàng bán	(964.352.418)	1.108.016.255
Doanh thu hoạt động tài chính	56.685	163.922
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(918.000.563)	1.424.711.346
Thu nhập khác	17.698.344	-
Chi phí khác	(394.458)	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.482.712.697)	(1.321.585.305)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(1.482.712.697)	(1.321.585.305)

(3) Phải trả về nhận vốn góp hợp tác kinh doanh vào Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển (Công ty liên kết của Tập đoàn):

- Các bên tham gia hợp tác liên danh bao gồm: Công ty Cổ phần Simco Sông Đà và các cán bộ công nhân viên của Công ty.
- Các bên tham gia đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh cùng thực hiện hoạt động đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển (Công ty liên kết của Tập đoàn). Theo đó, các bên sẽ cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro, nếu có của hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển.
- Kết quả từ hợp đồng hợp tác đầu tư được theo dõi bởi Công ty cổ phần Simco Sông Đà và phân bổ kết quả hoạt động hợp tác kinh doanh cho các bên tham gia hợp tác như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Vốn góp hợp tác kinh doanh	5.750.000.000	5.750.000.000
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	(5.750.000.000)	(5.750.000.000)

(4) Lý do chưa thanh toán nợ quá hạn: Do Công ty đã sử dụng nguồn tiền để thanh toán cổ tức năm 2011 và năm 2013 đầu tư vào dự án khai thác và chế biến đá marble tại Myanmar. Dự án đã hoàn thành đầu tư giai đoạn 1, nhưng gặp nhiều khó khăn về tiêu thụ hàng nên chưa thu hồi được vốn đầu tư giai đoạn 1. Công ty đang nỗ lực tìm kiếm đối tác nhận chuyển nhượng dự án để thu hồi vốn đầu tư nên chưa thu xếp được nguồn tiền để thanh toán cổ tức năm 2011 và năm 2013.

5.19 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng, cơ sở vật chất	991.524.826	625.509.250
Cộng	991.524.826	625.509.250
Dài hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng	11.846.830.059	11.198.172.839
Cộng	11.846.830.059	11.198.172.839

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất***5.20 Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay ngắn hạn**

		01/01/2020		Phát sinh trong kỳ		31/12/2020	
		Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn		2.494.582.300	2.494.582.300	4.937.623.800	5.734.563.600	1.697.642.500	1.697.642.500
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Hà Tây	(1)	2.051.582.300	2.051.582.300	2.537.623.800	3.834.563.600	754.642.500	754.642.500
Vay cá nhân	(2)	443.000.000	443.000.000	2.400.000.000	1.900.000.000	943.000.000	943.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả		3.602.200.000	3.602.200.000	-	-	3.602.200.000	3.602.200.000
Ngân hàng BIDV		3.602.200.000	3.602.200.000	-	-	3.602.200.000	3.602.200.000
Tổng cộng		6.096.782.300	6.096.782.300	4.937.623.800	5.734.563.600	5.299.842.500	5.299.842.500

b) Vay dài hạn

		01/01/2020		Phát sinh trong kỳ		31/12/2020	
		Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng BIDV	(3)	24.181.601.136	24.181.601.136	-	-	24.181.601.136	24.181.601.136
+ Gốc vay		22.106.811.434	22.106.811.434	-	-	22.106.811.434	22.106.811.434
+ Điều chỉnh do chuyển đổi báo cáo công ty con		2.074.789.702	2.074.789.702	-	-	2.074.789.702	2.074.789.702
Cộng		24.181.601.136	24.181.601.136	-	-	24.181.601.136	24.181.601.136
<u>Trong đó</u>							
Nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng		3.602.200.000	3.602.200.000	-	-	3.602.200.000	3.602.200.000
Cộng Vay dài hạn		20.579.401.136	20.579.401.136	-	-	20.579.401.136	20.579.401.136

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất

- (1) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/178138/HĐTD ngày 25/08/2020; Hạn mức tín dụng: 7.500.000.000 đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo lãnh; lãi suất vay: được xác định theo từng lần nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng; tài sản đảm bảo tiền vay là tòa nhà SIMCO Sông Đà.
- (2) Các hợp đồng vay cá nhân có thời hạn từ 06 tháng đến 01 năm với lãi suất từ 0%/năm - 4%/năm.
- (3) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2013/BIDV-MYSICO ngày 26/12/2013 với hạn mức tín dụng là 3.000.000 Đô la Mỹ. Mục đích vay để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ phục vụ đầu tư Dự án khai thác và chế biến khoáng sản mỏ Nay Pu Taung, bang Rakhine, Myanmar. Lãi suất vay là 5%/năm; thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân; các hình thức đảm bảo tiền vay là thế chấp cho bên cho vay toàn bộ vốn góp của nhà đầu tư trong bên vay theo hợp đồng thế chấp vốn góp. Số dư nợ gốc đến thời điểm 31/12/2020 là 24.181.601.136 đồng.

Số vay quá hạn chưa thanh toán

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Vay		
Nguyễn Thị Lâm	<u>443.000.000</u>	<u>443.000.000</u>
Cộng	<u>443.000.000</u>	<u>443.000.000</u>

Lý do chưa thanh toán: Khoản nợ vay vốn lưu động của Xí nghiệp Xây dựng SIMCO Sông Đà chưa được Công ty phê duyệt theo phân cấp quản lý tài chính đối với các đơn vị trực thuộc. Hiện nay Xí nghiệp Xây dựng SIMCO Sông Đà đã chấm dứt hoạt động. Công ty sẽ xem xét sau khi có số liệu quyết toán các nghĩa vụ tài chính của Xí nghiệp sau quyết toán thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất

5.21 Vốn chủ sở hữu (“CSH”)**a) Bảng biến động**

	Vốn đầu tư của CSH	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	262.061.580.000	(1.682.000)	6.403.316.874	1.231.903.807	(16.947.011.886)	252.748.106.795
Lỗi trong năm	-	-	-	-	(61.941.724.909)	(61.941.724.909)
Giảm khác	-	-	(500.000)	-	(45.454.545)	(45.954.545)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	262.061.580.000	(1.682.000)	6.402.816.874	1.231.903.807	(78.934.191.340)	190.760.427.341
Lỗi trong năm	-	-	-	-	4.616.705.636	4.616.705.636
Số dư cuối năm nay	262.061.580.000	(1.682.000)	6.402.816.874	1.231.903.807	(74.317.485.704)	195.377.132.977

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất

Chi tiết vốn góp của cổ đông:

Cổ đông	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của các cổ đông	262.059.900.000	100%	262.059.900.000	100%
Cổ phiếu quỹ	1.680.000	0,001%	1.680.000	0,001%
Tổng cộng	262.061.580.000	100%	262.061.580.000	100%

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	262.061.580.000	262.061.580.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	262.061.580.000	262.061.580.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

c) Cổ Phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.206.158	26.206.158
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.206.158	26.206.158
- Cổ phiếu phổ thông	26.206.158	26.206.158
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	168	168
- Cổ phiếu phổ thông	168	168
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.205.990	26.205.990
- Cổ phiếu phổ thông	26.205.990	26.205.990
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

d) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ: không phát sinh
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

5.22 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt		
USD	2.675,92	2.675,92
JPY	-	719.543,00
MMK	645.200,00	645.200,00
Tiền gửi ngân hàng		
USD	1.352,98	1.396,16
JPY	65.246,00	344.519,00

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.650.821.303	38.881.629.913
- Doanh thu xuất khẩu lao động	22.106.162.080	36.992.510.085
- Doanh thu khác	2.544.659.223	1.889.119.828
Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.985.480.000	-
Tổng cộng	27.636.301.303	38.881.629.913

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	94.348.000	365.478.379
Tổng cộng	94.348.000	365.478.379

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	20.439.642.233	33.968.228.024
- Giá vốn dịch vụ xuất khẩu lao động	18.709.111.711	33.774.389.151
- Giá vốn dịch vụ khác	1.730.530.522	193.838.873
Giá vốn hợp đồng xây dựng	2.806.351.200	-
Tổng cộng	23.245.993.433	33.968.228.024

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	389.589.991	489.331.421
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	39.349.046
Lãi bán các khoản đầu tư	4.584.000.000	-
Tổng cộng	4.973.589.991	528.680.467

6.5 Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	124.062.406	151.472.312
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	-	44.820.609.684
Lỗ chênh lệch tỷ giá	24.072.848	730.000
Hoàn nhập dự phòng giảm tổn thất đầu tư	(3.826.357.411)	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	16.103.824.286
Chi phí tài chính khác	-	19.286.100
Cộng	(3.678.222.157)	61.095.922.382

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất***6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.491.805.759	5.674.799.315
Chi phí dự phòng	3.828.975.876	3.439.244.822
Các khoản chi phí QLDN khác	2.421.435.269	3.570.834.026
Cộng	9.742.216.904	12.684.878.163

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền hỗ trợ nhận được	82.218.431	
Phạt vi phạm hợp đồng	12.301.656	68.293.793
Thu nhập khác	93.882.014	17.894.657
Tổng cộng	188.402.101	86.188.450

6.8 Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí dự án Phụng Hiệp đã dừng hoạt động	-	2.614.020.651
Các khoản bị phạt	9.002.584	123.782.060
Chi phí khác	274.177	-
Tổng cộng	9.276.761	2.737.802.711

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại**a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.821.235.343	4.365.255.234
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2.821.235.343	4.365.255.234

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại		Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại liên quan đến chênh lệch thuế tạm thời phải chịu thuế		(1.544.019.891)	(9.403.743.538)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(1.544.019.891)	(9.403.743.538)

6.11 Lãi trên cổ phiếu			Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	4.616.705.636	(61.941.724.909)	
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	VND	-	-	
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	4.616.705.636	(61.941.724.909)	
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong kỳ	CP	26.205.990	26.205.990	
Lãi trên cổ phiếu				
- Lãi cơ bản	VND/CP	176	(2.364)	
- Lãi suy giảm	VND/CP	176	(2.364)	

6.12 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		68.737.989	183.875.771
Chi phí nhân công		15.114.295.420	18.781.787.971
Chi phí khấu hao tài sản cố định		1.622.780.994	2.104.590.290
Chi phí dịch vụ mua ngoài		5.199.663.167	11.267.269.357
Chi phí khác		10.998.832.766	13.431.050.474
Cộng		33.004.310.337	45.768.573.863

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc		Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc		1.272.000.300	1.678.354.200

7.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Mối quan hệ
Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết
Công ty CP Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	Quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất***Giao dịch với các bên liên quan**

	Nội dung giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bà Nguyễn Thị Minh Thu	Vay ngắn hạn	2.000.000.000	800.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Thu	Trả nợ vay	1.900.000.000	800.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Vay ngắn hạn	400.000.000	-
Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Cho thuê văn phòng	245.108.710	265.098.740

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên có liên quan như sau:

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy điển	1.976.354.222	1.976.354.222
Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ TT Sông Đà	670.773.548	519.940.048
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy điển	5.006.330.196	5.006.330.196
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty CPHH Myanmar - Simco Sông Đà	468.176.029	468.176.029
Phải trả ngắn hạn khác		
Công ty CP Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	-	722.635.000
Phải trả tiền vay ngắn hạn		
Bà Nguyễn Thị Minh Thu	100.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc	400.000.000	-

7.3 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

Các khoản mục không được phân chia bao gồm: tài sản và nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất

Khoản mục	Dịch vụ xuất khẩu lao động		Hoạt động không phân bổ		Tổng cộng	
	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần của bộ phận	22.011.814.080	36.627.031.706	-	-	22.011.814.080	36.627.031.706
Chi phí của bộ phận	(18.709.111.711)	(33.774.389.151)	-	-	(18.709.111.711)	(33.774.389.151)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	3.302.702.369	2.852.642.555	-	-	3.302.702.369	2.852.642.555
Doanh thu không phân bổ	-	-	10.191.734.505	2.428.142.677	10.191.734.505	2.428.142.677
Chi phí không phân bổ	-	-	(10.600.876.469)	(73.974.639.418)	(10.600.876.469)	(73.974.639.418)
Thu nhập khác	-	-	188.402.101	86.188.450	188.402.101	86.188.450
Chi phí khác	-	-	(9.276.761)	(2.737.802.711)	(9.276.761)	(2.737.802.711)
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	1.544.019.891	9.403.743.538	1.544.019.891	9.403.743.538
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	-	-	-	4.616.705.636	(61.941.724.909)

Khoản mục	DV xuất khẩu lao động		Hoạt động không phân bổ		Tổng cộng	
	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	358.143.289.660	356.424.021.633	358.143.289.660	356.424.021.633
Tổng tài sản	-	-	358.143.289.660	356.424.021.633	358.143.289.660	356.424.021.633
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	162.766.156.683	165.663.594.292	162.766.156.683	165.663.594.292
Tổng nợ phải trả	-	-	162.766.156.683	165.663.594.292	162.766.156.683	165.663.594.292

7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 22/02/2021, các bên bao gồm: Công ty Cổ phần Simco Sông Đà, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Trang, Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Hoàng Liên Sơn và đại diện Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - Simco Sông Đà (Mysico) đã tổ chức cuộc họp trực tuyến để rà soát đánh giá Dự án Khai thác mỏ đá Marble tại Myanmar. Các bên đã ký Biên bản làm việc thống nhất các nội dung sau:

- Tiếp tục triển khai thực hiện các công việc theo Hợp đồng ủy quyền ngày 25/4/2017 ký giữa Công ty Cổ phần Simco Sông Đà và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Trang. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại hợp đồng.
- Thực hiện các công việc để điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư số 335/BKH-GCNDTRNN cấp ngày 30/3/2010 theo các quy định của pháp luật và tình hình thực tế của dự án.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất

7.5 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019.



MAI THÙY LINH
Người lập biểu



PHẠM THỊ HIẾU
Kế toán trưởng



NGUYỄN SĨ HIỀN
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021